



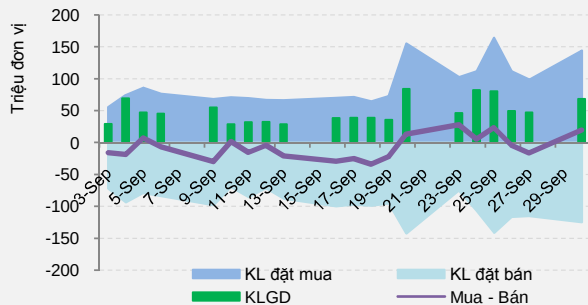
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 30/9/2013

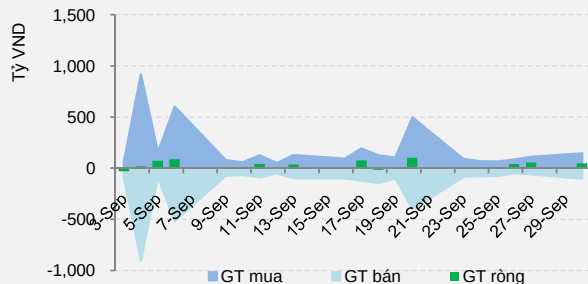
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	492.6	61.0
% Thay đổi	↑ 1.2%	↑ 0.9%
KLGD (CP)	68,463,830	33,560,192
GTGD (tỷ đồng)	1,022.36	256.18
Tổng cung (CP)	124,358,450	58,172,000
Tổng cầu (CP)	144,213,440	51,812,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,375,990	513,800
KL mua (CP)	3,834,610	999,900
GTmua (tỷ đồng)	147.41	7.97
GT bán (tỷ đồng)	98.81	4.71
GT ròng (tỷ đồng)	48.60	3.27

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.89%	7.4	1.5	2.9%
Công nghiệp	↑ 1.33%	70.4	1.0	19.4%
Dầu khí	↑ 2.18%	7.4	1.5	4.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.56%	13.3	1.8	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.61%	8.5	2.8	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.62%	14.7	5.0	15.7%
Ngân hàng	↑ 2.26%	6.8	1.3	8.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.10%	9.0	2.0	9.3%
Tài chính	↑ 0.95%	16.0	2.4	27.6%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.07%	9.6	3.5	9.0%
VN - Index	↑ 1.24%	12.8	3.0	80.0%
HNX - Index	↑ 0.91%	27.2	1.5	20.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	525,950	0.8%	1,564,950	2.3%
GTGD (tỷ VND)	13,249	1.3%	30,487	3.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index đã tăng mạnh qua ngưỡng cản của đường MA50, tương đương khoảng 490 điểm, với thanh khoản cải thiện mạnh. Phiên tăng mạnh với thanh khoản cao là tín hiệu tích cực trong xu hướng tăng điểm. Thị trường dự báo giảm cơ vào đầu phiên giao dịch ngày mai, kiểm định lại mốc 490 điểm, cũng như tâm lý thận trọng của nhà đầu tư khi thời điểm chốt NAV của các quỹ đầu tư kết thúc. Tuy nhiên với dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm của thị trường. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng của thị trường là khoảng 500-510 điểm.

Chỉ số HNX-Index đã có 8 phiên tăng điểm liên tiếp, cho thấy một sự hồi phục tích cực. HNX-Index đã bứt lên trên EMA9 và một số chỉ báo khác như MACD cũng cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm ngắn hạn. Tuy nhiên sau 8 phiên tăng điểm, chỉ số HNX-Index đã tiến sát tập hợp mức cản của đường MA200, MA50 ngày và đường biên trên của dải Bollinger Bands, tương đương khoảng 61 điểm. Thị trường có thể xuất hiện sự điều chỉnh ở vùng giá này.

Nhà đầu tư có thể tận dụng thời điểm thị trường yếu trong phiên để tăng tỷ trọng cổ phiếu, ưu tiên yếu tố cơ bản.

- VN-Index tăng 6.02 điểm (1.24%), đóng cửa ở mức 492.63 điểm. Đây cũng là mức cao nhất trong phiên của chỉ số này.

- HNX-Index tăng 0.55 điểm (0.92%), lên 60.95 điểm, cũng là mức cao nhất trong phiên của chỉ số này.

- Trong chuyến công du Mỹ và một số quốc gia Châu Âu, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã tuyên bố một số vấn đề liên quan đến mục tiêu thu hút nguồn lực phục vụ đầu tư phát triển, đặc biệt là nguồn lực từ NĐTNN. Những điểm quan trọng bao gồm: 1/ cải thiện môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp theo hướng cạnh tranh một cách bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; 2/ tăng tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại doanh nghiệp, Ngân hàng và đẩy nhanh hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; 3/ giảm thiểu rủi ro tỷ giá. Chúng tôi đánh giá những tuyên bố trên là tích cực, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong đầu tư phát triển theo hướng bền vững và hiệu quả hơn. Nhà đầu tư đã phản ánh tích cực với thông tin trên, giúp TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh, dù cả TTCK Châu Á giảm điểm, quan ngại vấn đề trần nợ công của Mỹ.

- Tình hình kinh tế tháng 9 tiếp tục có tín hiệu cải thiện. Chỉ số sản xuất tháng 9 so cùng kỳ tiếp tục tăng nhẹ lên 5.4%, từ mức 5.3% của tháng 8. Chỉ số tiêu thụ hàng hóa cũng có sự cải thiện so với tháng trước, đi kèm với chỉ số hàng tồn kho cũng tăng nhẹ lên 9.3% so cùng kỳ. Diễn biến này cho thấy doanh nghiệp đang chú trọng hơn đến hoạt động sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu thụ cuối năm.

- Áp lực bội chi vẫn đang là bài toán khó trong cân đối ngân sách. Cụ thể, thu NSNN tháng 9 giảm mạnh sau diễn biến tăng khá trong tháng 8 do hoạt động thu nội địa và thu từ hoạt động XNK giảm sút, trong khi chi NSNN vẫn duy trì ở mức cao tương đương các tháng trước. Bội chi NSNN 9 tính đến hết tháng 9 đã lên tới 130.7 nghìn tỷ đồng, đạt 80% kế hoạch bội chi năm 2013. Trước đó Chính phủ đã dự kiến kiến nghị Quốc hội cho phép phát hành thêm 45 nghìn tỷ đồng trái phiếu nhằm thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản. Chính phủ cũng dự kiến xin Quốc hội cho phép nâng trần nợ công từ 4.8% GDP lên 5.3% GDP nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển.



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng khá 6.02 điểm (1.24%), đóng cửa ở mức 492.63 điểm. Đây cũng là mức cao nhất trong phiên của chỉ số này.

- KLGD tăng mạnh 50.8% so với phiên giao dịch trước, đạt 65 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng mạnh lên mức 61.8 điểm, tâm lý tích cực tiếp tục gia tăng. Đường MACD vẫn đang nổi rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu, đã tiến sát mức 0, cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index đã tăng mạnh qua ngưỡng cản của đường MA50, tương đương khoảng 490 điểm, với thanh khoản cải thiện mạnh. Phiên tăng mạnh với thanh khoản cao là tín hiệu tích cực trong xu hướng tăng điểm. Thị trường dự báo giảm co vào đầu phiên giao dịch ngày mai, kiểm định lại mốc 490 điểm, cũng như tâm lý thận trọng của nhà đầu tư khi thời điểm chốt NAV của các quỹ đầu tư kết thúc. Tuy nhiên với dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng điểm của thị trường. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng của thị trường là khoảng 500-510 điểm. Nhà đầu tư có thể tận dụng thời điểm thị trường yếu trong phiên để tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.55 điểm (0.92%), lên 60.95 điểm, cũng là mức cao nhất trong phiên của chỉ số này. Đây là phiên tăng điểm thứ 8 liên tiếp của chỉ số này.

- KLGD cũng có sự cải thiện mạnh, tăng 38% so với phiên trước, đạt gần 28 triệu cổ phiếu.

- Chỉ số RSI14 tăng lên 55.6 điểm, tâm lý thị trường tiếp tục cải thiện tích cực.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đã có 8 phiên tăng điểm liên tiếp, cho thấy một sự hồi phục tích cực. HNX-Index đã bật lên trên EMA9 và một số chỉ báo khác như MACD cũng cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm ngắn hạn. Tuy nhiên sau 8 phiên tăng điểm, chỉ số HNX-Index đã tiến sát tập hợp mức cản của đường MA200, MA50 ngày và đường biên trên của dải Bollinger Bands, tương đương khoảng 61 điểm. Thị trường có thể xuất hiện sự điều chỉnh ở vùng giá này. Tuy nhiên nhà đầu tư có thể xem xét nâng dần tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HNX khi thị trường điều chỉnh bởi yếu tố thanh khoản của thị trường đã có sự cải thiện.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền đang có xu hướng quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, dự kiến KQKD Q3 khả quan tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phiên trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,629	4,489	5.1	1.47	11.97	34.97
2	PVT	85.47	85.0%	129.28	48.2%	331.5%	11,344	461	12.14	0.49	1.32	4.19
3	HAP	20.22	481.0%	21.47	407.6%	159.0%	19,050	394	13.96	0.29	1.47	2.06
4	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.5	8.59	18.27
5	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
6	BTP	22.93	-66.6%	70.05	24.5%	130.2%	15,898	2,333	6.34	0.93	6.8	14.42
7	VND	67.48	127.5%	94.76	57.7%	125.1%	12,005	1,160	7.5	0.72	6.74	10.21
8	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.7%	110.3%	24,424	(1,605)		1.1	-2.96	-6.77
9	NKG	14.98	672.2%	40.25	1185.9%	107.3%	10,142	(3,516)		0.95	-4.99	-31.78
10	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88

TOP CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ P/E THẤP NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,014	2,506	2.39	0.50	8.59	18.27
2	HLA	9.75	-8.4%	10.09	183.7%	29.2%	14,340	2,088	2.59	0.38	3.08	14.97
3	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,481	2,694	2.71	0.44	7.94	17.88
4	GLT	1.52	-64.9%	26.25	196.9%	134.8%	16,186	4,838	2.87	0.86	23.05	32.84
5	AAA	13.14	23.7%	30.35	17.0%	73.6%	#N/A	#N/A	2.98	0.49	7.01	12.70
6	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	22,392	5,812	3.32	0.86	8.27	27.60
7	ITD	-3.11	-300.6%	6.56	108.3%	46.9%	17,027	1,111	3.33	0.22	2.10	6.72
8	SD6	11.74	70.9%	19.34	89.6%	46.8%	15,009	2,323	3.53	0.55	3.72	15.34
9	SD9	14.17	-16.9%	18.48	-29.6%	37.9%	18,366	2,270	3.66	0.45	2.96	12.45
10	PGS	45.92	178.0%	97.11	110.7%	53.7%	22,068	5,128	3.72	0.87	6.68	24.01

CỔ PHIẾU CÓ KQKD Q3 CAO NHẤT TRONG NĂM - GIAI ĐOẠN 2010-2012

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	ECI	1.69	-1.2%	2.17	0.93%	57.9%	13,947	2,996	3.5	0.75	13.68	20.58
2	HAD	13.55	25.5%	16.3	25.1%	81.5%	31,683	8,309	4.5	1.17	20.78	26.70
3	HBE	-0.25	-13.6%	-0.28	-3.70%	#DIV/0!	10,726	84	48.8	0.38	0.44	0.77
4	IMP	20.24	-6.0%	40.93	-5.65%	52.0%	43,498	4,559	7.8	0.82	8.88	10.37
5	NIS	0.20	5.3%	0.28	-41.67%	8.2%	10,646	24	354.7	0.80	0.15	0.22
6	PIV	-0.27	12.9%	-0.56	-80.65%	#DIV/0!	8,471	(672)		0.38	(3.77)	(7.68)
7	QST	0.59	-13.2%	0.01	-95.00%	0.3%	10,373	1,748	5.5	0.93	7.61	15.50
8	SGD	2.14	8.1%	2.39	7.17%	53.1%	12,343	2,630	4.4	0.93	11.95	18.60
9	SJD	44.68	17.2%	62.81	23.21%	559.3%	17,855	4,488	3.9	0.99	16.07	24.92
10	STC	3.23	17.9%	4.26	16.71%	42.1%	15,093	2,622	4.5	0.78	10.00	16.05
11	TLG	34.05	19.4%	62.53	5.52%	56.8%	27,199	4,647	8.0	1.36	10.11	17.99
12	TRA	42.39	54.5%	76.36	62.71%	51.9%	38,338	6,692	12.6	2.19	13.84	29.42

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

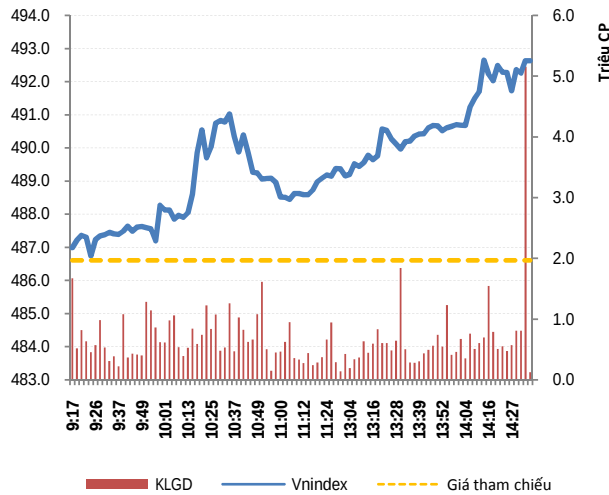
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 27/09/2013.

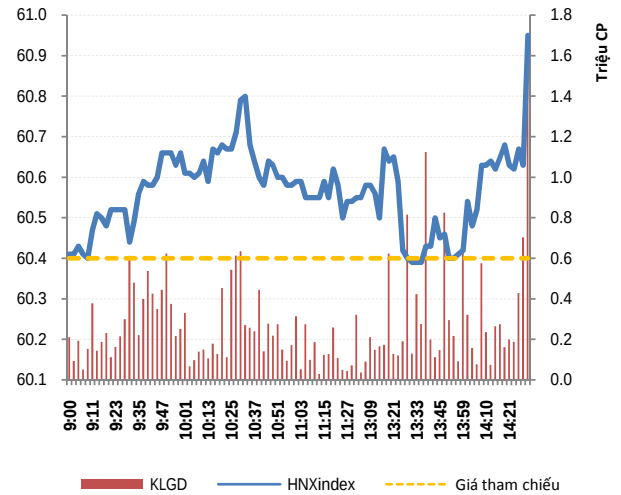


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

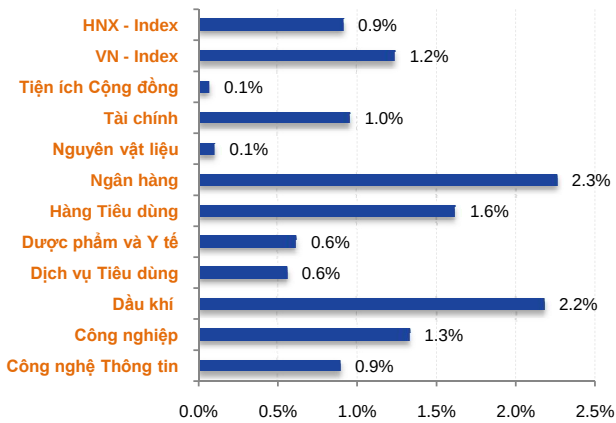
KLGD và VN-Index trong phiên



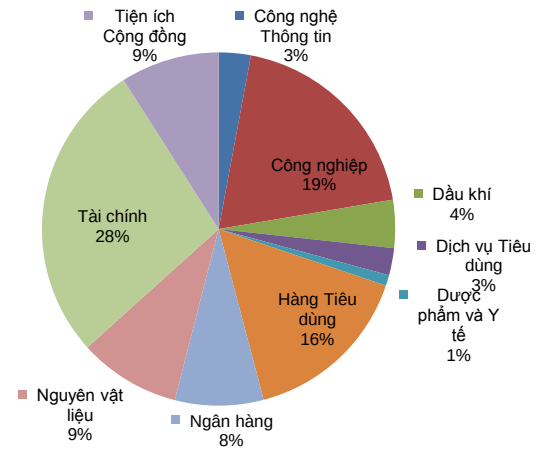
KLGD và HNX-Index trong phiên



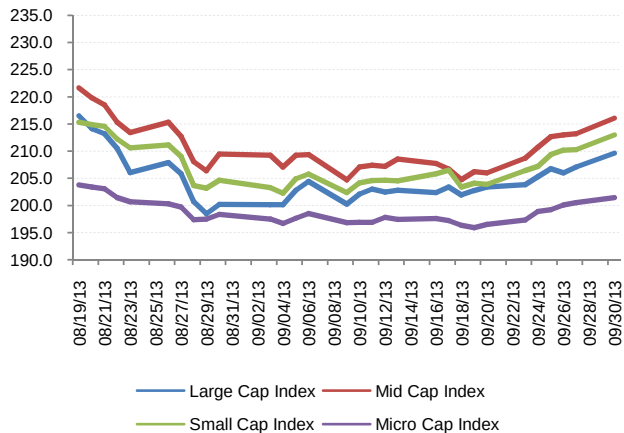
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



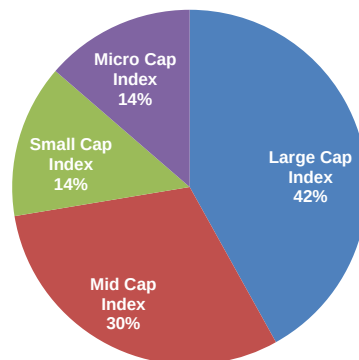
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	541,610	TTP	200,000
2	ITA	213,100	NHS	176,360
3	PVT	200,000	CTG	168,390
4	FCN	196,810	DHA	116,180
5	DPM	173,530	KBC	89,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVX	180,000	PVG	71,000
2	DAE	91,800	SHB	43,600
3	SDH	75,500	DBC	20,600
4	PVS	62,600	VNF	2,500
5	API	56,000	DXP	1,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	4.7	4.8	↑ 2.13%	4,274,020
ITA	5.8	6.1	↑ 5.17%	4,012,510
SAM	6.8	7.2	↑ 5.88%	3,864,890
IJC	6.8	7.2	↑ 5.88%	3,317,600
PVT	8.5	9.0	↑ 5.88%	3,222,490

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.7	6.7	↓ -0.06%	7,225,023
SCR	5.6	5.8	↑ 4.41%	3,778,996
PVX	3.0	3.0	↓ -0.97%	2,943,484
VCG	8.4	8.6	↑ 2.36%	2,660,500
PVS	15.9	16.2	↑ 1.65%	2,065,580

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
DIG	8.7	9.3	0.6	↑ 6.90%
TMS	29.0	31.0	2.0	↑ 6.90%
HTL	15.0	16.0	1.0	↑ 6.67%
KSH	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GGG	0.6	0.7	0.1	↑ 15.17%
MCF	14.0	15.4	1.4	↑ 10.00%
QCC	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VLA	8.4	9.2	0.8	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NLG	22.3	20.8	-1.5	↓ -6.73%
ASIAGF	13.4	12.5	-0.9	↓ -6.72%
VFG	45.5	42.5	-3.0	↓ -6.59%
ACL	9.3	8.7	-0.6	↓ -6.45%
NAV	6.2	5.8	-0.4	↓ -6.45%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
HHL	0.6	0.5	-0.1	↓ -15.17%
PXA	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.00%
SHN	0.7	0.6	-0.1	↓ -10.43%
NVB	7.0	6.3	-0.7	↓ -9.81%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	4,274,020	4.3%	661	7.3	0.3
ITA	4,012,510	0.3%	31	199.3	0.5
SAM	3,864,890	1.5%	269	26.7	0.4
IJC	3,317,600	3.6%	390	18.5	0.7
PVT	3,222,490	5.6%	630	14.3	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	7,225,023	-2.9%	(335)	-	0.6
SCR	3,778,996	-3.1%	(450)	-	0.4
PVX	2,943,484	-36.4%	(2,642)	-	0.5
VCG	2,660,500	1.3%	150	57.9	0.7
PVS	2,065,580	16.4%	2,738	5.9	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 12.5%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
DIG	↑ 6.9%	0.0%	0	34,359.2	0.6
TMS	↑ 6.9%	15.3%	3,904	7.9	1.2
HTL	↑ 6.7%	14.0%	1,547	10.3	1.4
KSH	↑ 6.7%	-10.5%	(1,028)	-	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GGG	↑ 15.2%	-328.5%	(1,953)	-	88.4
MCF	↑ 10.0%	23.2%	3,034	5.1	1.2
QCC	↑ 10.0%	0.0%	4	621.8	0.2
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	4.6	0.6
VLA	↑ 9.5%	15.3%	2,084	4.4	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	541,610	9.9%	1,785	15.1	1.5
ITA	213,100	0.3%	31	199.3	0.5
PVT	200,000	5.6%	630	14.3	0.8
FCN	196,810	29.7%	4,784	3.4	0.7
DPM	173,530	28.7%	7,064	5.8	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	180,000	-36.4%	(2,642)	-	0.5
DAE	91,800	19.6%	3,210	3.7	0.7
SDH	75,500	-16.1%	(1,276)	-	0.3
PVS	62,600	16.4%	2,738	5.9	1.0
API	56,000	-37.3%	(4,505)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	126,965	41.6%	6,429	10.4	3.9
VNM	117,520	40.5%	7,699	18.3	6.9
VCB	62,339	9.9%	1,785	15.1	1.5
CTG	61,809	19.2%	2,614	6.3	1.2
MSN	60,290	3.9%	856	99.9	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,283	0.3%	41	380.7	1.1
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,237	16.4%	2,738	5.9	1.0
SHB	6,025	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	612	39.2	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	3.30	-41.0%	(2,320)	-	0.4
TS4	2.62	7.9%	1,504	5.1	0.4
NKG	2.43	-20.2%	(2,085)	-	0.8
GMD	2.28	4.7%	1,866	13.8	0.7
CLG	2.12	9.9%	1,250	5.9	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HDA	4.81	13.8%	1,780	4.8	0.7
TTZ	4.45	1.3%	135	27.4	0.3
PSI	3.48	-0.3%	(26)	-	0.7
PVV	3.45	-24.8%	(2,293)	-	0.3
SDH	3.12	-16.1%	(1,276)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation